

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2025/HS-PT

Ngày: 09 tháng 9 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung;

Bà Bùi Thị Bích Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ánh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa).

- Bị cáo không có kháng cáo:

1. NGUYỄN VĂN T, sinh năm: 1995, tại tỉnh Đắk Lắk, Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nay là: Thôn Đ, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Nay là: Thôn H, xã N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn L và Trần Thị T1; Vợ là: Nguyễn Thị Thúy N và 03 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Tạm giữ, Tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

2. LEO THANH H2, sinh ngày: 25/9/2004, tại tỉnh Đắk Lắk, Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nay là: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Leo Văn N1 và Hoàng Thị X; Vợ con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Tạm giữ, Tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Nay là: thôn C, xã C, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Cao Quang H, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: tổ dân phố N, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Vũ Văn L1, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: tổ dân phố N, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Lê Văn G, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: LĐ X, V H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: LĐ X, V H, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, còn có người có quyền và nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, kháng nghị; Không liên quan đến kháng cáo của người có quyền và nghĩa vụ liên quan nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/7/2022, chị Tô Thị Mỹ Lệ H1 làm thủ tục đăng ký hộ kinh doanh với tên gọi: “HỘ KINH DOANH THÀNH 8683”, ngành nghề kinh doanh là dịch vụ cầm đồ tại nhà số D Đại lộ H.

Ngày 10/7/2022, Nguyễn Văn T thuê căn nhà số D của chị H1 để thực hiện công việc kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

Ngày 09/8/2022, chị H1 uỷ quyền cho Nguyễn Văn T thực hiện công việc liên quan đến việc kinh doanh của hộ kinh doanh “HỘ KINH DOANH THÀNH 8683”.

Sau đó, T thuê Leo Thanh H2 giúp T thực hiện công việc kinh doanh dịch vụ cầm đồ. H2 thực hiện nhiệm vụ: tiếp nhận người đến cầm thế tài sản hoặc vay tiền. H2 làm việc ban đầu với người vay tiền, người đến cầm thế tài sản, thoả thuận ban đầu về lãi suất cho vay sau đó báo lại cho T biết để T quyết định (về lãi suất cho vay T nói cho H2 biết trước để H2 thoả thuận với khách hàng trước).

Sau khi thoả thuận thống nhất được lãi suất cho vay tiền và cầm thế tài sản thì H2 trực tiếp soạn thảo hợp đồng cho vay tiền và hợp đồng cầm đồ để người vay và T ký nhận. Sau đó, T đưa tiền cho H2 để H2 đưa cho người vay, người cầm thế tài sản. H2 ghi chép danh sách người vay tiền, người thế chấp vào sổ; đối với việc thu tiền lãi H2 thu tiền rồi ghi chép vào sổ, báo cho T biết và sau đó đưa cho T; H2 trông coi, quản lý tài sản của người cầm thế và cơ sở kinh doanh cho T.

Từ ngày 30/8/2022 đến ngày 14/5/2023, Nguyễn Văn T và Leo Thanh H2 thực hiện hoạt động cho vay tiền và nhận cầm, thế tài sản đối với 25 người với phương thức như sau: Đối với người đến vay tiền phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc để lại giấy tờ tùy thân. Lãi suất cho vay và nhận cầm thế tài sản là 3.000 đồng/01 triệu/ngày đến 4.000 đồng/01 triệu/ngày tương ứng với lãi suất từ 101,39%/năm đến 146%/năm so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 486 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm.

Tổng số tiền, T và H2 cho 25 người vay và nhận cầm thế tài sản là 643.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 42.590.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu lợi bất chính là 35.016.300 đồng. Trong đó có những người có kháng cáo là:

1. Ngày 30/12/2022, T và H2 cho bà Nguyễn Thị Kim Y vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/ngày. Bà Y phải đưa cho T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền. Đến nay, bà Y chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

2. Ngày 29/01/2023, T và H2 cho ông Cao Quang H vay số tiền

25.000.000 đồng, thời hạn 90 ngày, lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/ngày. Ông H phải đưa cho T các giấy tờ tùy thân để vay tiền. Đến thời hạn, ông H chưa trả tiền gốc và đã trả tiền lãi cho T số tiền 6.750.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp T được phép thu là 1.232.877 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 5.517.123 đồng. Như vậy, trong trường hợp này, T và H2 cho vay lãi nặng tương ứng với mức 109,5%/năm.

3. Ngày 05/04/2023, T và H2 cho Vũ Văn L1 vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày, lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/ngày. Ông L1 phải đưa cho T các giấy tờ tùy thân để vay tiền. Đến thời hạn, ông L1 đã trả cho T 3.000.000 đồng là tiền lãi và nợ tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp T được phép thu là 410.959 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.589.041 đồng. Như vậy, trong trường hợp này, T và H2 cho vay lãi nặng tương ứng với mức 146%/năm.

4. Ngày 06/5/2023, T và H2 cho ông Lê Văn G vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn là 30 ngày, lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/ngày (109,5%/năm). Ông G phải đưa cho T các giấy tờ tùy thân để vay tiền. Đến nay, ông G chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa) đã quyết định:

Buộc 18 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền vào ngân sách nhà nước, trong đó có: Nguyễn Thị Kim Y 150.000.000 đồng, Cao Q 25.000.000 đồng, Vũ Văn L1 25.000.000 đồng và Lê Văn G 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với hai bị cáo Nguyễn Văn T2, Leo Thanh H2, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

** Phân kháng cáo:*

- Ngày 04/4/2025, bà Nguyễn Thị Kim Y được giao bản án sơ thẩm.

Ngày 16/4/2025, bà Nguyễn Thị Kim Y kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không buộc nộp lại 150 triệu đồng vào ngân sách nhà nước. Kèm theo đơn kháng cáo là: bản photo Giấy xác nhận đã nhận tiền ngày 15/8/2023 và Văn bản thỏa thuận hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Ngày 25/3/2025, ông Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H được giao bản án sơ thẩm.

Ngày 09/4/2025, ông Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H kháng cáo

yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không buộc nộp lại tiền vay vào ngân sách nhà nước.

Kèm theo đơn kháng cáo là: biên bản giao nhận tiền lập ngày 29/6/2023 giữa người nhận Nguyễn Văn T và người giao là Cao Quang H, Lê Văn G, Vũ Văn L1.

- Ngày 09/5/2025, Nguyễn Thị Kim Y nộp (do Nguyễn Minh H3 nộp thay) 300.000đ tiền tạm ứng án phí, biên lai thu tiền số 0001885 của Chi cục thi hành án thành phố C.

Ngày 02/6/2025, Vũ Văn L1 nộp (do Lê Văn G nộp thay) 300.000đ tiền tạm ứng án phí, biên lai thu tiền số 0001966 của Chi cục thi hành án thành phố C.

Ngày 02/6/2025, Cao Quang H nộp (do Lê Văn G nộp thay) 300.000đ tiền tạm ứng án phí, biên lai thu tiền số 0001964 của Chi cục thi hành án thành phố C.

Ngày 02/6/2025, Lê Văn G nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí, biên lai thu tiền số 0001965 của Chi cục thi hành án thành phố C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội giống với bản án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên việc kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T xác định: Trước khi xét xử sơ thẩm, đã nhận lại toàn bộ số tiền cho vay từ: Nguyễn Thị Kim Y 150 triệu đồng, Cao Quang H 25 triệu đồng, Vũ Văn L1 25 triệu đồng và Lê Văn G 40 triệu đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H là đúng chủ thể và đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Y, ông L1, ông G, ông H đã trả tiền vay cho bị cáo T.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H. Sửa bản án sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa) về buộc Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn

G, Cao Quang H nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp lại 240 triệu đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

- *Bị cáo nói lời sau cùng:* Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim Y, các ông Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H vắng mặt. Ngày 04/4/2025, bà Nguyễn Thị Kim Y được giao bản án sơ thẩm nên ngày 16/4/2025 bà Y có đơn kháng cáo. Ngày 25/3/2025, các ông Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H được giao bản án sơ thẩm nên ngày 09/4/2025 các ông L1, G, H có đơn kháng cáo;

Bà Nguyễn Thị Kim Y, các ông Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Leo Thanh H2 vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 351 BLTTHS.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống với bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định:

Từ ngày 30/8/2022 đến ngày 14/5/2023, Nguyễn Văn T, Leo Thanh H2 có hành vi cho 25 người vay tiền và nhận cầm thế tài sản với tổng số tiền là 643.000.000 đồng, số tiền lãi thu được là 42.590.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu lợi bất chính là 35.016.300 đồng tương ứng với lãi suất từ 101,39%/năm đến 146%/năm, cao gấp từ 5,069 đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 (20%/năm).

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T, Leo Thanh H2 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về khoản tiền thu nộp ngân sách, thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 201 BLHS và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thì số tiền dùng để cho vay là tiền dùng vào việc phạm tội phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Giai đoạn xét xử sơ thẩm, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H vắng mặt tại phiên tòa nên cấp sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo cho vay mà những người vay (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) chưa trả phải nộp lại sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H có đơn kháng cáo và nộp bổ sung các tài liệu chứng minh việc đã trả tiền gốc cho bị cáo Nguyễn Văn T. Các tài liệu này đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn T, có đủ cơ sở xác định:

- Ngày 15/8/2023, bà Nguyễn Thị Kim Y đã trả cho Nguyễn Văn T tiền gốc đã vay là 150 triệu đồng và T đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 435, 436);

- Ngày 29/6/2023, ông Cao Quang H đã trả cho Nguyễn Văn T tiền gốc đã vay là 25 triệu đồng (BL 429);

- Ngày 29/6/2023, ông Lê Văn G đã trả cho Nguyễn Văn T tiền gốc đã vay là 40 triệu đồng (BL 430);

- Ngày 29/6/2023, ông Vũ Văn L1 đã trả cho Nguyễn Văn T tiền gốc đã vay là 25 triệu đồng (BL 431);

Như vậy, số tiền dùng vào việc phạm tội (tiền gốc) đã được trả cho Nguyễn Văn T 240 triệu đồng (150 triệu đồng + 25 triệu đồng + 40 triệu đồng + 25 triệu đồng).

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H về không buộc nộp lại tiền vay để sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại 240 triệu đồng; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Khánh Hòa tại phiên tòa.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 06/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2024/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa) về không áp dụng biện pháp tư pháp;

* Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng biện pháp tư pháp: Không buộc Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H phải nộp lại số tiền vay gốc để sung vào ngân sách nhà nước

- Buộc Nguyễn Văn T nộp lại 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

* Về án phí: Nguyễn Thị Kim Y, Vũ Văn L1, Lê Văn G, Cao Quang H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Trả lại cho Nguyễn Thị Kim Y 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001885 ngày 09/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

Trả lại cho Vũ Văn L1 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001966 ngày 02/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

Trả lại cho Cao Quang H 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001964 ngày 02/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam

Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

Trả lại cho Lê Văn G 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001965 ngày 02/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa,

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 09 tháng 9 năm 2025).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa (PC10);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa (PV06);
- TAND Khu vực 2 - Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 2 - Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo không có kháng cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Bách